TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/DS-ST
Ngày: 22/9/2025
V/v "Tranh chấp bồi hoàn tiền bảo hiểm"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lượng

2/ Ông Phạm Bá Chương

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ánh Linh, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Bà Trương Thị Ngọc Huệ - Kiểm sát viên

Ngày 22 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 76/2025/TLST- KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2025, về việc "Tranh chấp bồi hoàn tiền bảo hiểm" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2383/2025/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B

Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà T, Lô H đường P, phường T (trước ngày 01/7/2025 là phường M, quận N), Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1984

Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà T, Lô H đường P, phường T (trước ngày 01/7/2025 là phường M, quận N), Thành phố Hà Nội

(có mặt)

(Văn bản ủy quyền số 129/2025/GUQ-BHTasco ngày 19/9/2025 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B)

2/ Bị đơn: Công ty TNHH T1

Địa chỉ: Số D Đường số G, phường H (trước ngày 01/7/2025 là Khu phố E, phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đoàn Văn T, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số D Đường số G, phường H (trước ngày 01/7/2025 là Khu phố E, phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

(vắng mặt)

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Ông Võ Khắc H1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số D Đường số B, phường H (trước ngày 01/7/2025 là Khu phố E, phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

3.2 Công ty TNHH D

Địa chỉ: số B Bis N, phường S (trước ngày 01/7/2025 là phường B, Quận A), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Võ Khắc H1, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số D Đường số B, phường H (trước ngày 01/7/2025 là Khu phố E, phường H, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

3.3 Ông Nguyễn Hoàng M, sinh năm 1999

Địa chỉ: số D đường B, phường B (trước ngày 01/7/2025 là Phường B, quận B), Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09/12/2024, đơn khởi kiện bổ sung ngày 15/01/2025 và lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Ngày 06/8/2024, Công ty Trách nhiệm hữu hạn B (sau đây viết tắt là Công ty B) đã ký hợp đồng bảo hiểm vật chất xe ô tô mang biển số X do Công ty TNHH D (sau đây viết tắt là Công ty D) là chủ sở hữu. Ngày 29/8/2024, xe ô tô mang biển số X đã xảy ra va chạm với xe tải van mang biển số Y do lái xe Nguyễn Hoàng M của Công ty TNHH T1 (sau đây viết tắt là Công ty T1) điều khiển. Sau va chạm, không có thiệt hại về người, xe ô tô mang biển số X bị hư hỏng phải sửa chữa. Tại biên bản giải quyết hậu quả tai nạn giao thông do Công an thành phố T lập ngày 06/9/2024 đã ghi nhận lỗi của các bên liên quan như sau: lái xe ô tô con biển số X không có lỗi trong vụ tai nạn giao thông, lái xe ô tô tải van biển số Y lưu thông chuyển hướng không đúng quy định gây tai nạn giao thông được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ. Hậu quả tai nạn xe ô tô mang biển số X bị hư hỏng, chi phí sửa chữa hết 91.516.000 đồng. Thực hiện hợp đồng bảo hiểm, Công ty B đã chi trả số tiền sửa chữa này thay cho chủ xe và nhận thế quyền của chủ xe X về việc yêu cầu bên gây ra tai nạn bồi thường trách nhiệm dân sự.

Do đó, Công ty B yêu cầu Công ty T1 là bên có lỗi trong vụ tai nạn dẫn đến thiệt hại cho xe ô tô mang biển số 51L- 112.12 thanh toán số tiền sửa chữa là 91.516.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày nộp đơn khởi kiện là ngày 18/12/2024 đến ngày Tòa án đưa vụ án ra xét xử là ngày 22/9/2025 theo mức lãi

suất 10%/năm, cụ thể số tiền lãi là 91.516.000 đồng x 10%/năm x 273 ngày = 6.844.895 đồng. Tổng cộng số tiền Công ty B yêu cầu Công ty T1 thanh toán là 98.360.895 đồng.

* Ông Nguyễn Hoàng M trình bày trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Thời điểm ngày 29/8/2024 ông là lái xe của Công ty T1, đang lái xe đi giao hàng cho Công ty. Sự việc xảy ra tai nạn ngày 29/8/2024, ông đã làm việc với chủ xe ô tô mang biển số X, ông đồng ý bồi thường cho chủ xe nhưng chủ xe ô tô mang biển số X không lấy. Việc chủ xe ô tô mang biển số X không lấy tiền thì ông không có chứng cứ gì, khi làm việc tại Công an ông đề nghị mỗi tháng trả 1.000.000 đồng thì ông H1 nói vậy thì không cần số tiền đó nữa. Sau đó, các bên ký biên bản ra về. Nội dung thể hiện tại biên bản giải quyết vụ tai nạn giao thông ngày 06/9/2024 thì ông có được đọc. Nay với yêu cầu khởi kiện của Công ty B thì ông không đồng ý, ông chỉ chịu trách nhiệm bồi thường cho chủ xe, không liên quan đến Công ty B. Khi làm việc tại cơ quan Công an thì không có Công ty B tham gia.

Tại phiên tòa ông M không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

* Ông Võ Khắc H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH D trình bày tại bản tự khai ngày 09/5/2025:

Ông Nguyễn Hoàng M lái xe của Công ty T1 đã gây ra tai nạn cho xe do ông H1 lái do Công ty D đứng tên chủ sở hữu, thiệt hại chi phí sửa chữa xe gần 100 triệu đồng. Lỗi là do ông Nguyễn Hoàng Minh P lỗi gây ra. Xe của Công ty D đã được Công ty B bồi thường toàn bộ. Nay Công ty B kiện đòi bồi thường là phù hợp.

Sau đó ông Võ Khắc H1 và Công ty D đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tiếp theo, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Công ty TNHH T1 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là tranh chấp dân sự về bồi hoàn tiền bảo hiểm theo quy định tại khoản 6 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khi thụ lý vụ án Tòa án đã xác định loại việc là tranh chấp đòi tài sản và thụ lý vụ án kinh doanh thương mại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là không chính xác. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp và loại việc của vụ án là vụ án dân sự về tranh chấp bồi hoàn tiền bảo hiểm.

[2] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Theo văn bản số 2765/ĐKKD-T6 ngày 23/5/2025 của Sở Tài chính Thành phố H cung cấp thì Công ty T1 có trụ sở tại số D Đường số G, Khu phố E, phường H, thành phố T (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ quy định tại Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Công ty T1, ông Võ Khắc H1 và Công ty D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[4] Về quyền khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ hợp đồng bảo hiểm xe cơ giới số AO.TTKD021-HST/M04/2400039864, giấy chứng nhận bảo hiểm số VCX2408/609187 ngày 06/8/2024 đã ký giữa Công ty B và Công ty D có nội dung: thời hạn bảo hiểm từ 09h51 ngày 06/8/2024 đến 09h51 ngày 06/8/2025, đối tượng được bảo hiểm là xe ô tô biển số X, phạm vi bảo hiểm là bảo hiểm vật chất xe. Hợp đồng bảo hiểm này tuân thủ về hình thức được quy định tại Điều 119 Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 17 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên. Công ty B đã căn cứ vào biên bản giải quyết hậu quả tai nạn giao thông do Công an thành phố T lập ngày 06/9/2024 và hợp đồng sửa chữa ô tô số 23.2024/TIC-VSG-DV ngày 27/9/2024 nên Công ty B đã bồi thường số tiền 91.516.000 đồng cho Công ty D. Ngày 19/9/2024 Công ty D do ông Võ Khắc H1 là người đại diện theo pháp luật đã có văn bản chuyển giao quyền yêu cầu bồi hoàn đối với bên thứ ba gây ra tổn thất nêu trên cho Công ty B là đã thực hiện đúng trách nhiệm chuyển quyền yêu cầu bồi hoàn theo quy định tại khoản 1 Điều 54 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022, Điều 365 Bộ luật Dân sự năm 2015. Như vậy, Công ty B có quyền khởi kiện bên thứ 3 hoàn trả tiền bảo hiểm theo quy định.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bồi thường số tiền 91.516.000 đồng:

5.1 Công ty T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa, không cung cấp lời khai hoặc tài liệu chứng cứ để xác nhận hoặc bác bỏ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

5.2 Ông Võ Khắc H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Công ty D có ý kiến đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Công ty B.

5.3 Ông Nguyễn Hoàng M có ý kiến ông là lái xe của Công ty T1. Ngày 29/8/2024 ông lái xe ô tô tải van biển số Y đi giao hàng cho công ty thì xảy ra va chạm với xe ô tô biển số X. Nay ông chỉ chịu trách nhiệm bồi thường với chủ xe, không chịu trách nhiệm bồi thường với Công ty B.

5.4 Căn cứ phiếu trả lời xác minh xe ô tô của Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố H cung cấp ngày 21/5/2025 thì Công ty D là chủ sở hữu xe ô tô biển số X và Công ty T1 là chủ sở hữu xe ô tô tải van biển số Y.

5.5 Căn cứ biên bản giải quyết hậu quả tai nạn giao thông do Công an thành phố T lập ngày 06/9/2024 có nội dung:

Nguyên nhân xảy ra vụ tai nạn là do lái xe ô tô tải van biển số Y chuyển hướng gây nguy hiểm cho người và phương tiện khác vi phạm khoản 2 Điều 15 Luật Giao thông đường bộ.

Lỗi của các bên liên quan tai nạn giao thông: lái xe ô tô biển số X không có lỗi trong vụ tai nạn giao thông, lái xe ô tô tải van biển số Y có lỗi lưu thông chuyển hướng không đúng quy định của pháp luật gây tai nạn giao thông được quy định tại điểm a khoản 5 Điều 7 Nghị định 100/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ.

Phần giải quyết trách nhiệm dân sự: ông H1 yêu cầu chủ xe ô tô tải van biển số Y bồi thường thiệt hại chi phí sửa chữa xe ô tô biển số X là 91.516.000 đồng. Ông M đồng ý với bảng báo giá sửa chữa của xe ô tô biển số: X là 91.516.000 đồng, đồng ý bồi thường thiệt hại cho xe ô tô biển số: X với số tiền là: 91.516.000đ nhưng hiện tại ông M không có khả năng chi trả số tiền trên nên không bồi thường. Ông Đoàn Văn T tự khắc phục thiệt hại của xe ô tô tải van biển số Y trong vụ tai nạn trên, đồng ý với báo giá sửa chữa xe ô tô biển số X là 91.516.000 đồng nhưng do ông M là người điều khiển xe gây ra vụ tai nạn trên nên phải có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho xe ô tô biển số X, Công ty T1 không chi trả phần thiệt hại ở ô tô biển số X.

Do đó, có căn cứ xác định thiệt hại trong vụ tai nạn giao thông trên là xe ô tô biển số X bị hư hỏng, chi phí sửa chữa là 91.516.000 đồng và lỗi gây ra thiệt hại là do lái xe ô tô tải van biển số Y gây ra. Căn cứ quy định tại Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì Công ty B có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại đối với số tiền 91.516.000 đồng.

5.6 Căn cứ quy định tại Điều 597 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao; nếu pháp nhân đã bồi thường thiệt hại thì có quyền yêu cầu người có lỗi trong việc gây thiệt hại phải hoàn trả một khoản tiền theo quy*

định của pháp luật. Điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định phương tiện giao thông vận tải cơ giới là nguồn nguy hiểm cao độ và chủ sở hữu nguồn nguy hiểm cao độ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại. Do đó, Công ty T1 có trách nhiệm bồi thường số tiền 91.516.000 đồng cho Công ty B. Sau khi thực hiện trách nhiệm bồi thường thiệt hại, Công ty T1 có quyền khởi kiện yêu cầu ông M hoàn trả một khoản tiền theo quy định của pháp luật.

Từ những căn cứ trên nên Công ty B khởi kiện yêu cầu Công ty T1 bồi thường số tiền 91.516.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu trả tiền lãi:

Ngày 27/9/2024, Công ty B đã gửi văn bản yêu cầu Công ty T1 trong thời hạn 15 ngày phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường thiệt hại nhưng Công ty T1 không thực hiện nên căn cứ quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 Công ty B yêu cầu Công ty T1 trả tiền lãi từ ngày 18/12/2024 đến ngày 22/9/2025 với mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở chấp nhận. Từ ngày 18/12/2024 đến ngày 22/9/2025 là 278 ngày nhưng Công ty B chỉ yêu cầu tính 273 ngày là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Cụ thể, số tiền lãi Công ty T1 phải trả là:

91.516.000 đồng x 10%/năm x 273 ngày = 6.844.895 đồng.

Như vậy, tổng cộng số tiền Công ty T1 phải thanh toán cho Công ty B là 91.516.000 đồng + 6.844.895 đồng = 98.360.895 đồng.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 4.918.045 đồng.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty B.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 6 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 119, Điều 357, Điều 365, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589, Điều 597, Điều 601 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 17, khoản 1 Điều 54 Luật Kinh doanh bảo hiểm năm 2022;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn B.

Buộc Công ty TNHH T1 có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B tổng số tiền là 98.360.895 (chín mươi tám triệu ba trăm sáu mươi ngàn tám trăm chín mươi lăm) đồng, trong đó số tiền bồi hoàn là 91.516.000 (chín mươi mốt triệu năm trăm mười sáu ngàn) đồng và tiền lãi là 6.844.895 (sáu triệu tám trăm bốn mươi bốn ngàn tám trăm chín mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm hữu hạn B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH T1 còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty TNHH T1 phải nộp 4.918.045 (bốn triệu chín trăm mười tám ngàn không trăm bốn mươi lăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn B số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 (ba triệu) đồng Công ty Trách nhiệm hữu hạn B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0083654 ngày 07/3/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Về quyền kháng cáo: Công ty Trách nhiệm hữu hạn B và ông Nguyễn Hoàng M có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự còn lại có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 2 - TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy